

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dá.

Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Trụ sở: Tòa nhà V, đường T & B, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn Q** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Quách Tú T**, Chức vụ Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp kiêm trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng V - Chi nhánh B (có mặt – văn bản ủy quyền số 22/2020/EIB. BL-GUQ ngày 21/01/2020).

Địa chỉ: đường T, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trường A.

Người đại diện: Ông **Đàm Thanh V**, sinh năm 1972 - Hiệu trưởng (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Ông **Huỳnh Công T**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2014, Ngân hàng V (gọi tắt là Ebank) có ký hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401198 cho bà Nguyễn Ngọc D vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 17 hàng tháng, trả lãi kỳ đầu tiên là ngày 17/12/2014. Để đảm bảo khoản vay, bà D được thủ trưởng Trường A (Trường A) là ông Huỳnh Công T ký với tư cách của Trường cam kết bảo lãnh trả nợ thay theo Giấy cam kết bảo lãnh trả nợ thay ngày 06/11/2014 nằm trong hồ sơ vay vốn. Sau khi vay bà D đã trả được số tiền vốn 24.454.829 đồng và lãi 6.609.097 đồng thì ngưng đến nay. Đến ngày 17/9/2016, Ebank đã chuyển khoản nợ của bà D sang nợ quá hạn và khi đến làm việc được nhà trường thông báo bà D đã nghỉ việc. Tính đến ngày 13/01/2020, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 15.545.171 đồng, lãi trong hạn 10.200.000 đồng, lãi quá hạn 7.309.837 đồng.

Tại phiên tòa, Ebank yêu cầu buộc bà Nguyễn Ngọc D trả số tiền là 33.396.426 đồng, gồm vốn 15.545.171 đồng, lãi trong hạn 4.200.000 đồng và lãi quá hạn 13.651.255 đồng. Trường hợp bà D không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ebank yêu cầu Trường A trả khoản nợ của bà D.

Bị đơn Nguyễn Ngọc D vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện của Trường A, ông Đàm Thanh V trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Ngọc D công tác tại trường A, giai đoạn ông về làm hiệu trưởng (tháng 01/2019) thì bà D đã nghỉ việc. Theo hồ sơ khởi kiện, trong thời gian bà D công tác tại trường có thực hiện trả nợ vay và lãi cho Ngân hàng đúng thỏa thuận, đến tháng 9/2016 khi bà D nghỉ việc mới phát sinh việc không trả tiền vay và lãi theo thỏa thuận. Đối với bảo lãnh của trường cho khoản vay của bà D chỉ thực hiện là nhân viên của trường, đồng thời trường không có thẩm quyền để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ và nay bà D đã nghỉ việc, trách nhiệm bảo lãnh cho bà D không còn nên Trường A không đồng ý yêu cầu của Ebank về trả nợ thay cho bà D.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Ngọc D công tác tại trường A, ông có ký xác nhận hồ sơ vay vốn tín chấp của Ebank, nhằm tạo điều kiện kinh tế cho nhân viên, trong hồ

sơ vay vốn có ký giấy cam kết bảo lãnh trả nợ thay ngày 06/11/2014, không phải với trách nhiệm trả nợ thay mà ký với tư cách đại diện của trường, xác nhận cho nhân viên là có công tác tại trường, hưởng lương và mức lương được hưởng, cứ nghĩ là ký đầy đủ thủ tục và đảm bảo điều kiện vay, đồng thời khi D công tác tại trường đã trả đầy đủ không có vi phạm kỳ nào. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thì ông không có thẩm quyền bảo lãnh thực hiện thay nghĩa vụ cho nhân viên và nay ông đã chuyển công tác không còn thẩm quyền đối với trường A, bà D đã nghỉ việc nên trách nhiệm bảo lãnh không còn, ông không đồng ý yêu cầu của Ebank về trả nợ thay cho bà D.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn D trả tiền vay vốn và lãi phát sinh, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trường A trả khoản nợ của bà D và bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi thụ lý và tiến hành tổng đạt văn bản, xác minh được bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết. Do bị đơn thay đổi nơi cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự, việc làm của bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401198 ngày 08/11/2014, bà Nguyễn Ngọc D ký với Ebank để vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 36, lãi 9%/năm (tính trên dư nợ ban đầu), lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 17 hàng tháng.

[2.1] Về yêu cầu của Ebank đối với bà Nguyễn Ngọc D: Qua trình bày của ông Huỳnh Công T xác định bà D có ký hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401198 ngày 08/11/2014 và quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã trả tiền vay đến tháng 9/2016. Do bà D bị cho nghỉ việc nên từ tháng 9/2016 trường A đã ngưng trả lương cho bà D, thời gian bà D nghỉ việc trùng với thời gian bà D ngừng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên việc bà D còn nợ tiền vay của Ngân hàng là sự thật.

Xét các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản nên căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của Ebank đòi bà Nguyễn Ngọc D hoàn trả khoản nợ gốc đã vay với số tiền là 15.545.171 đồng, lãi trong hạn 4.200.000 đồng và lãi quá hạn 13.651.255 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ebank buộc trường A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản nợ của bà D: Tại “Giấy cam kết bảo lãnh trả nợ thay ngày 06/11/2014”, ông Huỳnh Công T ký xác nhận với tư cách thủ trưởng đơn vị, nội dung bảo lãnh “*Bên cam kết đồng ý trả nợ thay các khoản nợ của cán bộ công nhân viên...*”. Xét thấy, trường A là trường công lập do Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên. Theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thì hiệu trưởng không có thẩm quyền quyết định khoản chi ngoài các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh nên việc Ebank đồng ý trường A bảo lãnh nghĩa vụ vay của bà D khi người ký không có thẩm quyền, không làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh. Vì vậy, yêu cầu của Ebank về xác định trường A phải trả khoản nợ của bà D trong trường hợp bà D không trả nợ hoặc không trả đầy đủ là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc D.

Buộc bà Nguyễn Ngọc D trả cho Ngân hàng V số tiền là 33.396.426 đồng, gồm vốn 15.545.171 đồng, lãi trong hạn 4.200.000 đồng và lãi quá hạn 13.651.255 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc D còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2020 trên phần vốn gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401198 ngày 08/11/2014.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V về buộc Trường A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của bị đơn bà Nguyễn Ngọc D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc D phải chịu là 1.699.821 đồng.

- Ngân hàng V không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 826.000 đồng theo biên lai thu số 0009958 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai